CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH HÓA NHUỘM

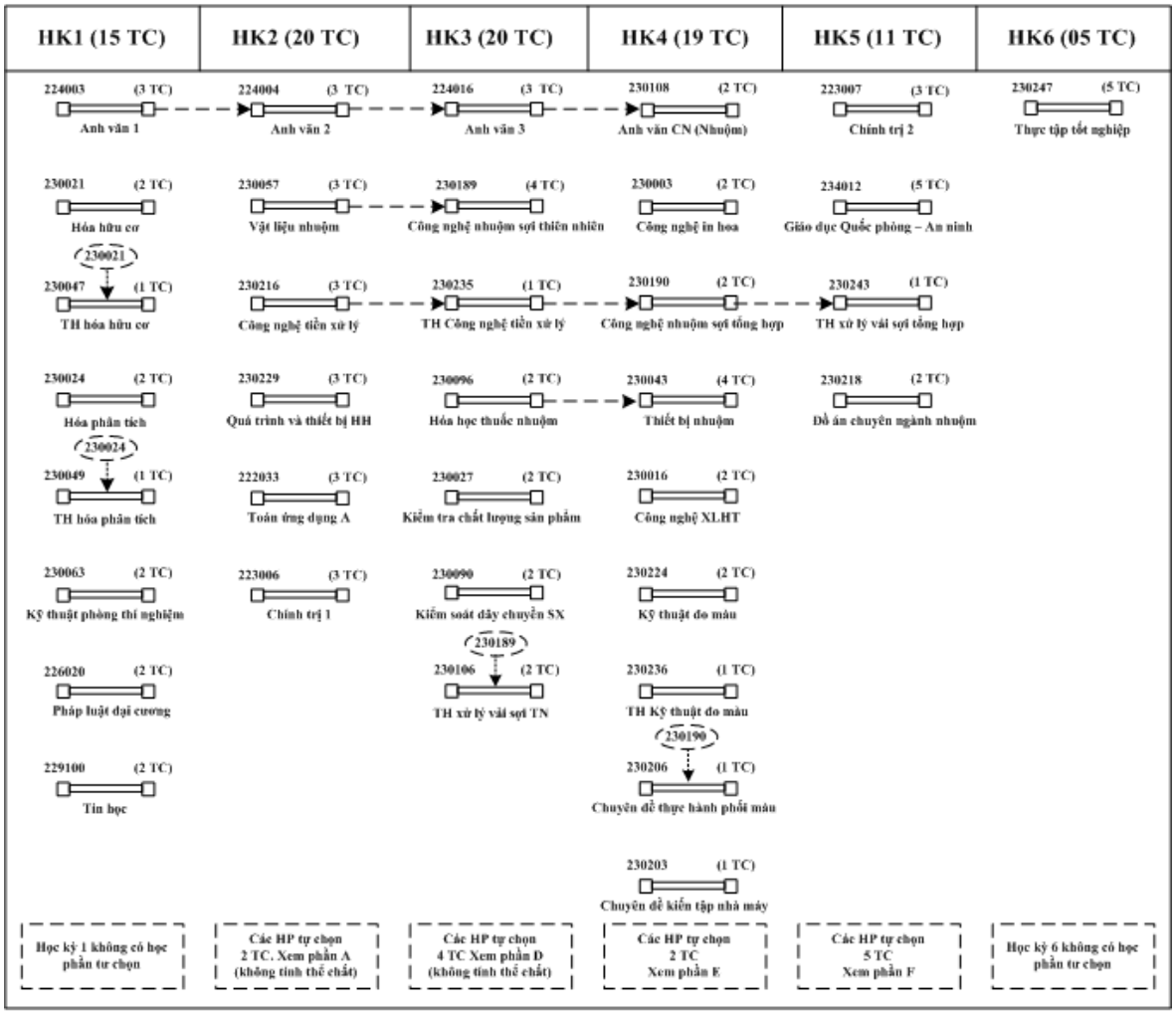
(Áp dụng từ khóa 2017)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 15 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**15**	
1	226020	Pháp luật đại cương	2	
2	229100	Tin học	2	
3	224003	Anh văn 1	3	
4	230021	Hóa hữu cơ	2	
5	230047	Thực hành Hóa hữu cơ	1	
6	230049	Thực hành hóa phân tích	1	
7	230024	Hóa phân tích	2	
8	230063	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2	
Học kỳ 2: 20 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**18**	
9	223006	Chính trị 1	3	
10	222033	Toán ứng dụng A	3	
11	224004	Anh văn 2	3	
12	230229	Quá trình và thiết bị hóa học	3	
13	230216	Công nghệ tiền xử lý	3	
14	230057	Vật liệu nhuộm	3	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
15.1	234002	Bóng chuyền 1	2	
15.2	234006	Bóng đá 1	2	
15.3	234007	Bóng rổ 1	2	
15.4	234008	Cầu lông 1	2	
15.5	234009	Aerobic 1	2	
Học phần tự chọn			**2**	
16.1	226035	Soạn thảo văn bản	2	
16.2	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
16.3	230200	An toàn lao động	2	
Học kỳ 3: 20 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			**16**	
17	224016	Anh văn 3	3	
18	230235	Thực hành công nghệ tiền xử lý	1	
19	230096	Hóa học thuốc nhuộm	2	
20	230027	Kiểm tra chất lượng sản phẩm	2	
21	230090	Kiểm soát hệ thống dây chuyền sản xuất	2	
22	230189	Công nghệ nhuộm sợi thiên nhiên	4	
23	230106	Thực hành xử lý vải sợi thiên nhiên	2	

Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
24.1	234003	Bóng chuyền 2	2	
24.2	234010	Bóng đá 2	2	
24.3	234011	Bóng rổ 2	2	
24.4	234013	Cầu lông 2	2	
24.5	234014	Aerobic 2	2	
Học phần tự chọn			**2**	
25.1	231018	Đại cương công nghệ dệt sợi	2	
25.2	230245	Xử lý nước trong ngành dệt nhuộm	2	
25.3	230215	Công nghệ sản xuất sợi hóa học	2	
Học phần tự chọn			**2**	
26.1	222010	Logic học đại cương	2	
26.2	222017	Tiếng Việt thực hành B	2	
26.3	226017	Môi trường và con người	2	
Học kỳ 4: 19 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**17**	
27	230108	Anh văn chuyên ngành (nhuộm)	2	
28	230043	Thiết bị nhuộm	4	
29	230190	Công nghệ nhuộm sợi tổng hợp	2	
30	230003	Công nghệ in hoa	2	
31	230016	Công nghệ xử lý hoàn tất	2	
32	230224	Kỹ thuật đo màu	2	
33	230236	Thực hành đo màu	1	
34	230206	Chuyên đề Thực hành phối màu	1	
35	230203	Chuyên đề Kiến tập nhà máy	1	
Học phần tự chọn			**2**	
36.1	230044	Thiết kế dây chuyền sản xuất nhuộm	2	
36.2	230089	Quản trị chất lượng	2	
36.3	231160	Công nghệ wash sản phẩm may	2	
Học kỳ 5: 11 Tín chỉ (không tính học phần GDQP)				
Học phần bắt buộc			**6**	
37	223007	Chính trị 2	3	
38	234012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	
39	230243	Thực hành xử lý vải sợi tổng hợp	1	
40	230218	Đồ án chuyên ngành Nhuộm	2	
Học phần tự chọn			**5**	
41.1	230070	Khóa luận tốt nghiệp (nhuộm)	5	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
41.2	230093	Kỹ năng quản trị và điều hành ca sản xuất	2	
41.3	230217	Công nghệ xử lý hàng pha	3	
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**5**	

42	230247	Thực tập tốt nghiệp (nhuộm)	5	

CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC(90 TC)
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ HÓA NHUỘM
(Dùng cho khối Cao Đẳng 2017)



CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN

